

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2021
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Hồng

Ông Nguyễn Đ Việt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 ngày 01 ngày 2021 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Hải Y, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký tạm trú: A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1983 - Luật sư C ty Luật P Đ. Địa chỉ: Thôn Ngõ, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đ C, sinh năm 1980. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký tạm trú cuối cùng tại: Tiểu khu S, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị Hải Y và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng Đ trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Đ C kết hôn với nhau từ năm 2012, do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định và

đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2012 vào ngày 05/11/2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh P đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh C thường xuyên chơi bời, cờ bạc, cá độ, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến năm 2018, anh chị sống ly thân, anh C vẫn tiếp tục chơi bời cờ bạc, những người cho anh C vay nợ đã đến cơ quan chị làm việc quấy nhiễu dẫn đến chị phải nghỉ việc tại trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên, chuyển vào nam sinh sống, mỗi người sống một nơi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013. Cháu P hiện đang ở với chị từ tháng 08/2018 đến nay. Chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung vợ chồng: Chị Y xác nhận không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đ C trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn như chị Y trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, do C việc không thường xuyên ở nhà nên có ít thời gian chăm lo cho gia đình, vợ con nên có thiếu hụt về tình cảm. Anh không nhất trí với nguyên nhân xin ly hôn chị Y đưa ra, không có việc có người đến đòi nợ, quấy nhiễu cuộc sống của chị Y. Anh C xác nhận, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Tại phiên họp C khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/11/2020, anh C đồng ý ly hôn. Tại các buổi làm việc khác, anh C không nhất trí ly hôn do anh không đồng ý về nguyên nhân và lý do chị Y đưa ra để ly hôn.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013. Anh cho rằng chị Y gây khó khăn cho anh trong việc thăm gặp con nên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ P đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác nhận không đề nghị tòa án xem xét trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh C không thỏa thuận được các vấn đề của vụ án nên Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đồng Thị Hải Y và anh Nguyễn Đ C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013 cho chị Đồng Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Thị Hải Y có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Đ C, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 3/346 phố Yết Kiêu, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đ C đã cung cấp sổ tạm trú của bà Nguyễn Thị Hoa thể hiện anh đang cư trú cùng mẹ đẻ - bà Hoa tại Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sổ tạm trú của anh C hết hạn vào ngày 21/4/2021 nhưng không cung cấp địa chỉ nơi chuyển đến, xác định nơi cư trú cuối cùng của anh C tại Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Qua làm việc với chủ hộ - bà Nguyễn Thị Hoa (mẹ đẻ) anh C xác định: Hiện anh C không

còn cư trú cùng hộ khẩu với bà do đi làm xa, hiện tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên không thể quay về Sơn La được. Hiện gia đình vẫn liên lạc và thông báo cho anh C các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do đang ở vùng dịch. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Đồng Thị Hải Y và anh Nguyễn Đ C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012, anh chị đã được UBND xã **Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, được** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2012 **ngày 05/11/2012**. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Y và anh C không có hộ khẩu chung. Anh C chuyển về chung sống với chị Y ở Thái Nguyên. Chị Đồng Thị Hải Y cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân là do anh C xuyên chơi bời, cờ bạc, cá độ, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù anh C không nhất trí với nguyên nhân mâu thuẫn do chị Y đưa ra nhưng thừa nhận tình cảm vợ chồng không hạnh phúc là do anh thường xuyên đi làm xa nhà, không có nhiều thời gian quan tâm gia đình nên vợ con bị thiếu hụt tình cảm, đồng thời xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Tại phiên họp C khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/11/2020, anh C đồng ý ly hôn, còn các buổi làm việc khác, anh C không đồng ý ly hôn do không đồng ý với nguyên nhân ly hôn chị Y đưa ra và không đồng ý cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặc dù anh C không nhất trí ly hôn nhưng không phải xuất phát từ tình cảm mà do bất đồng về nguyên nhân ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng chị Y và anh C với mẹ đẻ anh C xác định: Năm 2013, trong thời gian này bà chăm sóc con chung cho chị Y và anh C thì anh chị đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Sau đó, hai vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, chị Y ở Thái Nguyên rồi chuyển đi Miền Nam sinh sống, anh C ở Hải Dương, thỉnh thoảng lên Sơn La ở với bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y cương quyết ly hôn, anh C cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại từ lâu nên cần xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị Hải Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Đ C.

[2.2] *Về con chung:* Chị Y và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013. Hiện tại, cháu P đang ở cùng chị Y. Anh C và chị Y đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y cung cấp tài liệu xác định chị đang có C việc và chỗ ở ổn định tại C ty TNHH May mặc Quốc tế Hsing với thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng và giáo dục

con chung. Anh C cho rằng chị Y ngăn cản anh thực hiện quyền thăm nom con, tuy nhiên, anh không đưa ra được căn cứ chứng minh, mặt khác cũng không chứng minh được khả năng nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị Y. Trong quá trình giải quyết vụ án xác định: Anh C không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, cung cấp địa chỉ tạm trú tại Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cùng hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Hoa (mẹ đẻ). Tuy nhiên, gần đây anh C không còn cư trú tại địa chỉ này, C việc của anh được gia đình anh cung cấp là làm lái xe. Như vậy, anh C không có nơi cư trú và C việc, thu nhập ổn định. Bản thân cháu Đ P đã trên 07 tuổi đã thể hiện nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn thể hiện tại đơn đề nghị ngày 26/10/2020 và tờ ghi nhận nguyện vọng ngày 21/5/2021 của cháu Nguyễn Đ P do Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tại trụ sở Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu P hiện đang ở với chị Y, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ, anh C không chứng minh được điều kiện nuôi dưỡng tốt hơn chị Y. Ngoài ra, chị Y đã cam kết đảm bảo quyền thăm nom con của anh C, nếu vi phạm là căn cứ để anh C thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con tại văn bản ngày 06/10/2019. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y về con chung, giao cháu Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013 cho chị Đồng Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Đ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Y không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh C cho rằng vợ chồng anh chị có tài sản chung là đồ dùng trong gia đình và sửa sang lại ngôi nhà trên đất của bố mẹ chị Y ở phường Thịnh Đán, tỉnh Thái Nguyên. Những tài sản này vẫn còn khi anh chị ly thân năm 2018. Tuy nhiên, anh C không cung cấp được các tài liệu chứng minh có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể đối với tài sản này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án dân sự khác.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Y xác nhận không có nợ chung vợ chồng, anh C không kê khai về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án dân sự khác.

[2.5] *Về án phí*: Chị Đồng Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đồng Thị Hải Y và anh Nguyễn Đ C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ P, sinh ngày 13/6/2013 cho chị Đồng Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết, anh C không chứng minh được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Chị Y xác nhận không có nợ chung, anh C không kê khai nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Đồng Thị Hải Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2018/0000553 ngày 12 tháng 10 năm 2020** tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh